

Số: 1232/GP-UBND

Sơn La, ngày 17 tháng 6 năm 2020

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
**(Công trình cấp nước sinh hoạt liên bản xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (theo Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và môi trường);*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất; Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;*

*Căn cứ QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất; QCVN 02:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;*

*Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;*

*Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 28 tháng 5 năm 2020 và hồ sơ kèm theo;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 434/TTr-STNMT ngày 11 tháng 6 năm 2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (địa chỉ: Tổ 3, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) khai thác, sử dụng



nước dưới đất tại công trình cấp nước sinh hoạt liên bản xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ với những nội dung sau:

**1. Mục đích khai thác, sử dụng nước:** Cấp nước phục vụ sinh hoạt cho nhân dân 07 bản thuộc xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ (gồm: *Tìn Tốc, Nà Ngần, Mường Khoa, Đoàn Kết, Nà Đồi, Nà Chá, Nà Tén*).

**2. Vị trí công trình khai thác nước:** Mạch lộ (*mó Co Mỹ*) tại xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ.

**3. Tầng chứa nước khai thác:** Tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích Triat, hệ tầng Đồng Giao ( $t_2^2$ ).

**4. Tổng số công trình khai thác:** 01 mạch lộ.

**5. Tổng lượng nước khai thác lớn nhất:** 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**6. Thời hạn khai thác:** 07 năm (*bảy năm*) tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**7. Vị trí, tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:**

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 104 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup> )		Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			
ML	23033332	583758	300	24	$t_2^2$

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

**1.** Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

**2.** Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định. Cụ thể:

- Lắp đặt thiết bị giám sát tự động, trực tuyến các thông số sau:

+ Mực nước tại mạch lộ khai thác;

+ Lưu lượng nước khai thác.

- Giám sát định kỳ chất lượng nước:

+ Nước đầu vào: 01 mẫu tại vị trí khai thác; tần suất 6 tháng/lần; so sánh với giới hạn cho phép tại QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

+ Nước đầu ra: 01 mẫu tại bể chứa nước sạch. Tần suất: Chỉ tiêu mức độ A: 3 tháng/lần, chỉ tiêu mức độ B: 6 tháng/lần; số thông số quan trắc, giới hạn cho phép theo QCVN 02:2009/BYT cột I (*đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021*). Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.



3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định.
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định.
5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 43 Luật Tài nguyên nước.
6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác.
7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La.
8. Các yêu cầu khác để bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, phòng chống sụt lún đất, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước liên quan đến việc khai thác nước dưới đất:

- Bảo đảm tầng chứa nước không bị suy thoái, cạn kiệt, bảo vệ môi trường sinh thái, không gây sụt lún mặt đất.

- Phát hiện, xử lý, khắc phục các hiện tượng, sự cố bất thường về chất lượng nước, mực nước tại vị trí khai thác và các sự cố về môi trường do hoạt động khai thác của mình gây ra, đồng thời báo cáo kịp thời tới chính quyền địa phương, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vân Hồ nơi có công trình và tới cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Vân Hồ;
- TT nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- TT phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT – Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lò Minh Hùng**